

SCIC Chi nhánh phía Nam
ĐẾN 08 -09- 2015
Số CV đến:.....3962

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MIA ĐƯỜNG CẦN THƠ**

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015



Trần Mộng Ngọc

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 47



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000018 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới do thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn đầu tư với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 11 vào ngày 03 tháng 07 năm 2012.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại : 0711. 3879607
- Fax : 0711. 3879607

Các Đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy đường Phụng Hiệp	Phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
Xí nghiệp đường Vị Thanh	Số 1284 Trần Hưng Đạo, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Trung tâm Giống Long Mỹ	Ấp 6, Xã Lương Nghĩa, Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện tại Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường;
- Dịch vụ vật tư kỹ thuật nông nghiệp;
- Kinh doanh vật tư thiết bị ngành mía đường;
- Sản xuất – kinh doanh nước đá;
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Dịch vụ cho thuê tài sản

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Bà Võ Thị Kim Dung	Thành viên	-	Ngày 26 tháng 05 năm 2015
Ông Nguyễn Thanh Nhân	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Phạm Quang Vinh	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Bà Trần Thị Thái	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Hùng	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Huỳnh Thanh Thế	Thành viên	-	Ngày 26 tháng 05 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Bà Võ Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-
Ông Nguyễn Hoàng Ngoan	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Long	Tổng Giám đốc	Ngày 26 tháng 05 năm 2015	-

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tập đoàn. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

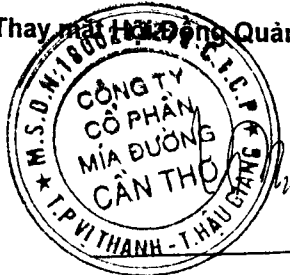
Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản Trị



Ông NGUYỄN THÀNH LONG

Chủ tịch

Hậu Giang, ngày 27 tháng 08 năm 2015

C. T. I. N. H. H. *
D. H. *

Số: 029/2015/BCKTHN-CT.0564

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 08 năm 2015, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Mía Đường Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



TRẦN ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Cần Thơ, ngày 27 tháng 08 năm 2015

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		292.761.853.921	488.067.915.156
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.467.650.627	25.782.042.026
Tiền	111		11.367.650.627	23.282.042.026
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000	2.500.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu	130		58.231.715.883	111.494.897.319
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	38.544.876.486	41.587.347.181
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	9.700.897.450	59.649.170.457
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	38.402.631.223	35.823.039.395
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(28.680.295.412)	(25.836.209.398)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	263.606.136	271.549.684
Hàng tồn kho	140	5.7	222.832.431.877	350.507.150.473
Hàng tồn kho	141		222.832.431.877	350.507.150.473
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		230.055.534	283.825.338
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	226.940.037	283.825.338
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		3.115.497	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		346.501.122.156	359.770.253.378
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.660.420.000	14.608.440.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	9.660.420.000	14.608.440.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		277.414.831.880	291.284.357.838
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	222.221.516.611	237.736.634.096
Nguyên giá	222		857.485.112.020	844.654.436.349
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(635.263.595.409)	(606.917.802.253)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	55.193.315.269	53.547.723.742
Nguyên giá	228		86.686.347.864	82.819.632.831
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.493.032.595)	(29.271.909.089)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.580.944.838	7.126.889.220
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	4.580.944.838	7.126.889.220
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		40.318.222.188	36.985.699.878
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	34.503.884.562	25.864.807.292
Đầu tư dài hạn khác	253	5.12	19.372.000.000	19.372.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	254	5.12	(13.557.662.374)	(8.251.107.414)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		14.526.703.250	9.764.866.442
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	5.212.834.924	2.703.380.556
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	8.054.625.483	5.662.327.172
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.14	1.259.242.843	1.399.158.714
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		639.262.976.077	847.838.168.534

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		311.756.261.569	503.759.069.557
Nợ ngắn hạn	310		208.594.434.963	376.080.315.893
Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	5.15	11.109.783.534	14.618.809.317
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	27.724.769.320	49.184.192.669
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.17	11.192.817.219	16.260.672.542
Phải trả công nhân viên	314		27.466.081.940	30.570.229.302
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.18	2.086.423.512	2.237.263.898
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	15.630.235.374	35.174.318.984
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	92.267.844.211	220.385.121.379
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.21	7.881.024.452	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.22	13.235.455.401	7.649.707.802
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		103.161.826.606	127.678.753.664
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		75.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	77.819.356.996	91.638.149.880
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	5.23	25.267.469.610	36.040.603.784

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		327.506.714.508	344.079.098.977
Vốn chủ sở hữu	410		327.506.714.508	344.079.098.977
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.24	130.805.470.000	130.805.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	5.24	130.441.670.000	130.441.670.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	5.24	363.800.000	363.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	5.24	91.713.511	91.713.511
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	5.24	45.531	45.531
Cổ phiếu quỹ	415	5.24	(10.149.800.000)	(10.149.800.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.24	137.867.254.614	136.267.221.628
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421	5.24	57.007.355.764	75.118.255.005
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	5.24	36.604.016.250	46.143.972.395
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.24	20.403.339.514	28.974.282.610
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.25	11.884.675.088	11.946.193.302
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		639.262.976.077	847.838.168.534

PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu

TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 27 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

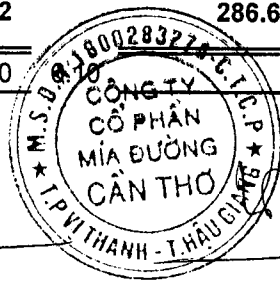
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	832.468.850.645	567.048.627.550
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.711.381.225	690.276.965
Doanh thu thuần	10		829.757.469.420	566.358.350.585
Giá vốn hàng bán	11	6.3	779.096.212.182	531.878.735.883
Lợi nhuận gộp	20		50.661.257.238	34.479.614.702
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	887.266.283	8.310.452.971
Chi phí tài chính	22	6.5	12.888.733.146	11.758.770.960
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.582.178.186	11.741.136.370
Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	24		1.007.077.270	-
Chi phí bán hàng	25	6.6	6.592.174.170	8.899.288.545
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	8.124.040.285	15.188.159.692
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		24.950.653.190	6.943.848.476
Thu nhập khác	31	6.8	577.956.676	3.762.076.807
Chi phí khác	32	6.9	426.333.057	561.250.962
Lợi nhuận khác	40		151.623.619	3.200.825.845
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.102.276.809	10.144.674.321
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6.804.628.873	1.689.409.284
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(2.392.298.311)	41.162.460
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20.689.946.247	8.414.102.577
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		20.403.339.514	8.052.029.974
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		286.606.733	362.072.603
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.609	629


PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu


TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng


NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 27 tháng 08 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành Phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

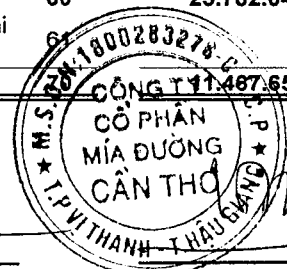
(Theo phương pháp gián tiếp)


Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Mã số	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	25.102.276.809	10.144.674.321
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	32.524.362.456	27.610.103.434
Các khoản dự phòng	03	16.031.665.426	(750.236.469)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(28.674.076)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(413.665.501)	(7.794.565.518)
Chi phí lãi vay	06	7.582.178.186	11.741.136.370
Các điều chỉnh khác	07	(10.773.134.174)	(6.925.024.360)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	70.053.683.202	33.997.413.702
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	57.758.242.996	49.035.895.588
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	127.674.718.596	(23.966.346.698)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(57.256.731.374)	(47.705.088.655)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.546.970.549)	(3.802.169.385)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.159.180.257)	(11.741.136.370)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.027.406.409)	(7.440.854.460)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.799.384.600)	(8.558.365.526)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	179.696.971.605	(20.180.651.804)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(17.276.320.078)	(8.635.430.472)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	513.636.364	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.632.000.000)	(7.725.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.830.210.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	301.774.452	2.506.885.518
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.092.909.262)	(9.023.334.954)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(10.109.400.000)
Tiền thu từ đi vay	33	269.280.463.431	554.884.988.686
Tiền trả nợ gốc vay	34	(411.216.533.483)	(556.047.585.768)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.982.383.690)	(25.735.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(169.918.453.742)	(11.297.732.587)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60	25.782.042.026	77.429.798.663
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	28.674.076
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ		11.487.650.627	36.956.753.394


PHAN THỊ HỒNG YẾN
Người lập biểu


TRẦN MỘNG NGỌC
Kế toán trưởng




NGUYỄN THÀNH LONG
Tổng Giám Đốc
Hậu Giang, ngày 27 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không tách rời và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và các công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ và Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ.

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6403000018 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 04 năm 2005 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty mẹ đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới do thay đổi ngành nghề kinh doanh và vốn đầu tư với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 11 vào ngày 03 tháng 07 năm 2012.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
- Điện thoại 0711.3879607
- Fax 0711.3879607

Các Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy đường Phụng Hiệp	Phường Hiệp Thành, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang
Xí nghiệp đường Vị Thanh	Số 1284 Trần Hưng Đạo, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
Trung tâm Giống Long Mỹ	Ấp 6, Xã Lương Nghĩa, Huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	Số 191 đường số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện tại Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Cần Thơ	Số 104 đường 30/4, Phường An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất và thương mại

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn trong 6 tháng đầu năm 2015:

- Sản xuất đường;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành mía đường;
- đường;
- Sản xuất – kinh doanh nước đá;
- Đầu tư và kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Sản xuất bao bì,
- Tư vấn thiết kế, xây dựng công trình dân dụng
- Sản xuất và kinh doanh đường khí và khí gas công nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của các công ty trong Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và công ty con như sau:
 - Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ
 - Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ

Các Công ty con được hợp nhất trong 6 tháng đầu năm 2015 bao gồm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ	Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ	Số 104, đường 30/4, phường An Phú, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.	- Đại lý du lịch; - Điều hành tua du lịch; - Đại lý vé máy bay	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	Số 103 Nguyễn Trãi, Phường An Hội, Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ	- Gia công cơ khí; - Xây lắp các công trình dân dụng. - Kinh doanh khí hóa lỏng	66,48%	66,48%	66,48%

Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	số 845 đường Phạm Hùng, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	- Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu trực tiếp đường và các sản phẩm ngành mía đường	32,58%	32,58%	32,58%

1.6 Số lượng nhân viên

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2015, tổng số nhân viên của Tập đoàn là 896 người (31/12/2014: 916 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên lần X năm 2015 của Công ty Cổ phần Mía Đường Cần Thơ vào ngày 26 tháng 05 năm 2015 quyết định thay đổi niên độ kế toán.

Theo nội dung Nghị quyết này thì niên độ kế toán của Công ty mẹ sẽ bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 của năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề. Thời gian chuyển giao bắt đầu vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Do vậy giai đoạn tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 sẽ được Công ty quyết toán và lập Báo cáo hợp nhất để làm cơ sở để bắt đầu niên độ tài chính mới.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND") do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư này và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Mía đường Cần Thơ (công ty mẹ) và các công ty con: Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại - Du Lịch Mía Đường Cần Thơ và Công ty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ (công ty con) cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo

cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn tài chính từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Loại tài sản cố định

Số năm

Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
Máy móc và thiết bị	02 – 22 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Nhận chuyển nhượng hợp pháp đối với quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao từ 03 đến 50 năm.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp đối với quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

4.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn với người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

4.10 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Tập đoàn còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

4.11 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

4.12 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.14 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để hoàn thành đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ưu đãi thuế đối với Công ty mẹ

Theo giấy chứng nhận đầu tư số 64121000060 ngày 13 tháng 12 năm 2007, Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo.

Do Công ty mẹ không còn được ưu đãi, miễn giảm thuế nên nên thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Ưu đãi thuế đối với Công ty con là Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư đã được thay đổi số 57221000070 ngày 17/11/2008 do Ban quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ cấp, Công ty con được hưởng các chính sách ưu đãi sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đối với các lĩnh vực sản xuất trong Khu công nghiệp được hưởng thuế suất thuế TNDN là 15%, áp dụng trong 12 năm, kể từ khi phương án cổ phần hóa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, Công ty con được miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Đây là năm thứ 6 Công ty con được giảm 50% mức ưu đãi thuế suất này.

Đối với dự án mới đầu tư hệ thống sản xuất oxygen và nitrogen tại khu Công Nghiệp Trà Nóc 1 thì được miễn thuế 03 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 5 năm tiếp theo với phần thu nhập tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng mang lại. Đây là năm thứ 4 Công ty con được miễn giảm 50 % với mức thuế suất 22%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.18 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: phải trả người bán, chi phí phải trả, vay và nợ thuế tài chính và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.20 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty Cổ Phần Mía Đường Sóc Trăng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Công ty liên kết Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt		
- VND	495.623.930	303.334.445
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	10.754.669.966	22.861.368.023
- USD	117.356.731	117.339.558
Các khoản tương đương tiền	100.000.000	2.500.000.000
	11.467.650.627	25.782.042.026

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2015:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – USD	5490,36	117.356.731
	5.490,36	117.356.731

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	38.544.876.486	41.587.347.181
Công ty TNHH Thương mại Thực Phẩm Hồng Yên	3.060.900.000	3.060.900.000
Cơ Sở - Vi Thị Kim Mai	4.084.170.000	4.084.170.000
Cơ sở Văn Mỹ Hằng	3.700.165.000	3.700.165.000
Cơ Sở - Nguyễn Thanh Xuân	3.464.380.350	3.464.380.350
Các đối tượng khác	24.235.261.136	27.277.731.831
	38.544.876.486	41.587.347.181

5.3 Trả trước cho người bán

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trả trước cho các bên liên quan	-	2.500.000.000
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	-	2.500.000.000
Trả trước cho người bán khác	9.700.897.450	57.149.170.457
Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Tấn Đạt	3.147.826.000	-
Công ty TNHH TM & XD Thịnh Vượng Chung	1.994.014.800	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	42.474.573.425
Công ty Xây dựng Tiến Quân	612.512.266	452.512.266
Công ty Long Huy Hoàng	-	127.080.000
Công ty TNHH Đại Tín Phát	273.600.000	357.720.000
Các đối tượng khác	3.672.944.384	13.737.284.766
	9.700.897.450	59.649.170.457

5.4 Các khoản phải thu khác

5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các bên liên quan	4.842.382.920	-	4.230.791.968	-
Thành viên chủ chốt - Phải thu tạm ứng	4.842.382.920	-	4.230.791.968	-
Các tổ chức và cá nhân khác	33.560.248.303	(2.676.421.551)	31.592.247.427	-
Phải thu về tạm ứng	8.179.799.670	-	8.402.486.751	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	20.000.000	-	-	-
Phải thu tiền cổ tức	151.470.000	-	-	-
Phải thu tiền bán cổ phần	4.948.020.000	-	-	-
Các khoản phải thu dự án trung tâm xây dựng giống Long Mỹ	3.527.045.824	-	3.527.045.824	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công đoàn cơ sở Công ty CP mía đường	6.746.500.000	-	3.230.500.000	-
Phải thu cho mượn vỏ bình gas	-	-	6.628.945.915	-
Phải thu tiền bồi thường	8.717.169.410	(2.676.421.551)	8.339.800.274	-
Phải thu BHXH	32.647.146	-	3.910.004	-
Phải thu BHYT	6.121.336	-	763.314	-
Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp	4.080.890	-	558.900	-
Phải thu khác	1.227.394.027	-	1.458.236.445	-
	38.402.631.223	(2.676.421.551)	35.823.039.395	-

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	9.660.420.000	-	14.608.440.000	-
Phải thu tiền bán cổ phần	9.660.420.000	-	14.608.440.000	-
	9.660.420.000	-	14.608.440.000	-

5.5 Dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản nợ phải thu quá hạn thu hồi

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các bên liên quan	-	-	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	34.611.341.497	5.931.046.085	25.836.209.398	-
Nợ phải thu chưa quá hạn 3 năm nhưng khó có khả năng thu hồi	24.496.699.051	-	24.496.699.051	-
Phải thu tiền bán hàng của Xí nghiệp Vị Thanh	24.496.699.051	-	24.496.699.051	-
Nợ quá hạn trên 3 năm	1.507.174.810	-	1.339.510.347	-
Phải thu tiền bán hàng của các khách hàng khác	719.798.818	-	719.798.818	-
Phải thu tiền ứng trước đối tác	491.435.592	-	317.676.879	-
Phải thu khác	295.940.400	-	302.034.650	-
Nợ quá hạn từ 1 năm dưới 2 năm	8.607.467.636	5.931.046.085	-	-
Phải thu tiền bồi thường hàng thiếu cán bộ, công nhân viên	8.607.467.636	5.931.046.085	-	-
	34.611.341.497	5.931.046.085	25.836.209.398	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn VND	Nợ phải thu, cho vay dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2015	(25.836.209.398)	-	(25.836.209.398)
Trích lập dự phòng bổ sung	(2.844.086.014)	-	(2.844.086.014)
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	(28.680.295.412)	-	(28.680.295.412)

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Hàng tồn kho	263.606.136	271.549.684
	263.606.136	271.549.684

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	512.758.116	-	12.827.182.880	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.904.824.132	-	26.364.028.746	-
Công cụ, dụng cụ	281.544.421	-	360.468.072	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.578.675.058	-	22.503.635.185	-
Thành phẩm	189.099.050.357	-	286.341.041.806	-
Hàng gửi bán	5.492.303	-	-	-
Hàng hóa	1.450.087.490	-	2.110.793.784	-
	222.832.431.877	-	350.507.150.473	-

Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay và nợ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam như sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Thành phẩm	179.588.425.163	166.754.000.000
	179.588.425.163	166.754.000.000

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí sửa chữa	-	67.213.019
Chi phí thuê kho	-	190.909.092
Chi phí thuê đất	86.241.762	-
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	49.626.145	-
Chi phí khác	91.072.130	25.703.227
	226.940.037	283.825.338

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.212.834.924	404.107.666
Chi phí vô chai công nghiệp chờ phân bổ và công cụ dụng cụ	-	2.299.272.890
	<u>5.212.834.924</u>	<u>2.703.380.556</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2015	179.262.272.327	620.358.681.175	33.150.152.893	3.249.344.338	8.633.985.616	844.654.436.349
Mua trong kỳ	153.415.855	2.385.730.000	-	-	-	2.539.145.855
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.689.759.799	6.547.709.121	2.119.474.134	153.862.000	-	12.510.805.054
Giảm do thanh lý	-	-	(2.035.095.238)	-	-	(2.035.095.238)
Giảm do phân loại lại	-	(50.000.000)	-	(134.180.000)	-	(184.180.000)
Tại ngày 30/06/2015	183.105.447.981	629.242.120.296	33.234.531.789	3.269.026.338	8.633.985.616	857.485.112.020
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2015	138.004.824.809	435.509.288.535	22.072.692.053	2.697.011.240	8.633.985.616	606.917.802.253
Khấu hao trong kỳ	4.594.800.036	23.676.391.373	1.731.659.548	160.472.122	-	30.163.323.079
Giảm do thanh lý	-	-	(1.633.349.923)	-	-	(1.633.349.923)
Giảm do phân loại lại	-	(50.000.000)	-	(134.180.000)	-	(184.180.000)
Tại ngày 30/06/2015	142.599.624.845	459.135.679.908	22.171.001.678	2.723.303.362	8.633.985.616	635.263.595.409
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2015	41.257.447.518	184.849.392.640	11.077.460.840	552.333.098	-	237.736.634.096
Tại ngày 30/06/2015	40.505.823.136	170.106.440.388	11.063.530.111	545.722.976	-	222.221.516.611
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:						
Tại ngày 01/01/2015	80.561.892.678	240.688.764.180	6.550.205.540	1.901.310.318	8.633.985.616	338.336.158.332
Tại ngày 30/06/2015	81.179.491.606	246.155.211.950	7.100.247.593	1.797.630.318	8.633.985.616	344.866.567.083

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 83.004.764.970 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	01/01/2015 VND	Chi phí phát sinh trong kỳ VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ VND	Kết chuyển giảm khác VND	30/06/2015 VND
Móng xử lý nước thải Acetylen	119.206.035	-	-	-	119.206.035
Dự Án Lồng	38.349.587	-	(38.349.587)	-	-
Bồn Oxy lỏng	639.663.638	32.370.000	(672.033.638)	-	-
Xe ô tô tải HINO	-	1.409.090.909	(1.409.090.909)	-	-
Mua thiết bị dự án ứng dụng	-	23.300.000	-	-	23.300.000
Các công trình khác	992.162.497	11.794.879.491	(12.074.544.336)	(516.694.833)	195.802.819
	7.126.889.220	15.253.869.056	(16.377.520.087)	(1.422.293.351)	4.580.944.838

5.12 Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá gốc VND	30/06/2015 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	01/01/2015 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	34.503.884.562	-	22.617.000.000	25.864.807.292	-	25.864.807.292
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	22.617.000.000	-	22.617.000.000	14.985.000.000	-	14.985.000.000
Chênh lệch hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu	11.886.884.562	-	-	10.879.807.292	-	10.879.807.292
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.372.000.000	(13.557.662.374)	5.814.337.626	19.372.000.000	(8.251.107.414)	11.120.892.586
Công ty Cổ phần Mía Đường Tây Nam	15.192.000.000	(13.557.662.374)	1.634.337.626	15.192.000.000	(8.251.107.414)	6.940.892.586
Tổng Công ty Mía Đường Số 1	202.000.000	-	202.000.000	202.000.000	-	202.000.000
Công ty Cổ Phần Mía Đường Bến Tre	3.978.000.000	-	3.978.000.000	3.978.000.000	-	3.978.000.000
	53.875.884.562	(13.557.662.374)	28.431.337.626	45.236.807.292	(8.251.107.414)	36.985.699.878

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ	(8.251.107.414)	(6.405.217.054)
Trích lập dự phòng bổ sung	(5.306.554.960)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư cuối kỳ	(13.557.662.374)	(6.405.217.054)

Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng		
- Bán thành phẩm	-	230.486.112
- Mua thành phẩm	-	2.500.000.000
	-	2.730.486.112

5.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	8.054.625.483	5.662.327.172
- Chi phí dự phòng nợ phải thu	6.026.809.753	5.399.770.095
- Chi phí trích trước	192.521.034	262.557.077
- Chi phí dự phòng phải trả Nhà máy đường Phụng Hiệp	1.069.258.376	-
- Chi phí dự phòng phải trả Xí nghiệp đường Vị Thanh	766.036.320	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
	8.054.625.483	5.662.327.172

5.14 Lợi thế thương mại

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ	1.399.158.714	1.678.990.457
Ghi nhận trong kỳ	(139.915.871)	(139.915.871)
Số dư cuối kỳ	1.259.242.843	1.539.074.586

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	11.109.783.534	14.618.809.317
CN Công ty TNHH Môi Trường-XD Bách Việt	6.093.819	-
Công ty TNHH MTV TM & DV Hoàng Hân	44.500.000	-
Công ty TNHH SX-TM Tân Hiệp Hưng	215.172.240	630.891.320
Công ty TNHH Ngũ Hiệp	3.671.684.248	918.771.029
Công ty TNHH Kings GraTing	686.558.761	482.020.000
Công ty Cổ phần Gas Việt Nhật	534.032.175	840.188.979
Phải trả các nhà cung cấp khác	5.951.742.291	11.746.937.989
	11.109.783.534	14.618.809.317

5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	27.724.769.320	49.184.192.669
Công ty TNHH Trí Thanh	-	12.538.345.550
Cơ sở Đỗ Văn Sơn	3.842.600.000	-
Các công nợ khác	23.882.169.320	36.645.847.119
	27.724.769.320	49.184.192.669

5.17 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2015	
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải thu VND	Phải nộp VND	
Thuế giá trị gia tăng	9.819.325.970	33.541.317.900	(38.976.280.664)	-	4.231.583.954	
Thuế thu TNDN	6.298.710.440	6.804.628.873	(7.027.406.409)	-	6.075.932.904	
Thuế thu nhập cá nhân	142.494.772	1.480.053.033	(905.517.591)	-	712.930.214	
Thuế tài nguyên	141.360	718.260	(859.620)	-	-	
Thuế nhà đất	-	33.520.668	(33.520.668)	-	-	
Tiền thuê đất	-	444.046.960	(447.162.457)	3.115.497	-	
Các loại thuế khác	-	14.000.000	(8.000.000)	-	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	172.370.147	-	-	172.370.147	
	16.260.672.542	42.490.655.841	(47.398.747.409)	3.115.497	11.192.817.219	

5.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.086.423.512	2.237.263.898
Chi phí phải trả cho hoạt động kinh doanh	968.307.871	374.661.464
Chi phí vận chuyển, khuyến mãi	422.502.122	842.272.127
Chi phí lãi vay	191.145.316	768.147.387
Chi phí phải trả khác	504.468.203	252.182.920
	2.086.423.512	2.237.263.898

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.19 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	174.005.000	-
Bà Trần Thị Thái – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	174.005.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	15.456.230.374	35.174.318.984
Tài sản thừa chờ xử lý	128.920.802	128.920.802
Kinh phí công đoàn	22.791.390	53.183.850
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	80.465.124	123.333.649
Cổ tức phải trả	4.297.957.460	418.820.000
Phải trả ngân sách	3.181.317.244	3.181.317.244
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	4.520.600.000	4.140.900.000
Tiền trích chi phí hỗ trợ cầu đường các ấp, xã	2.639.606.566	1.887.111.249
Tiền nhận từ các đơn vị ủy thác xuất, nhập khẩu	-	20.198.474.992
Tiền thưởng cán bộ công nhân viên chưa chi	-	4.500.000.000
Phải trả khác	584.571.788	542.257.198
	15.630.235.374	35.174.318.984

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.20.1 Vay ngắn hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay các bên liên quan	-	-	-	-
Vay các tổ chức và cá nhân khác	92.267.844.211	92.267.844.211	220.385.121.379	220.385.121.379
Vay ngắn hạn ngân hàng	64.630.258.443	64.630.258.443	191.678.742.727	191.678.742.727
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Hậu Giang	-	-	20.700.000.000	20.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	64.630.258.443	64.630.258.443	155.228.742.727	155.228.742.727
- Ngân hàng TNHH HSBC - CN Cần Thơ	-	-	15.750.000.000	15.750.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.20.2)	27.637.585.768	27.637.585.768	28.706.378.652	28.706.378.652
	92.267.844.211	92.267.844.211	220.385.121.379	220.385.121.379

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2015	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	191.678.742.727	269.280.463.431	-	(396.328.947.715)	64.630.258.443
- Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt	20.700.000.000	14.500.000.000	-	(35.200.000.000)	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	155.228.742.727	246.080.463.431	-	(336.678.947.715)	(a) 64.630.258.443
- Ngân hàng TNHH HSBC	15.750.000.000	8.700.000.000	-	(24.450.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	28.706.378.652	-	13.818.792.884	(14.887.585.768)	27.637.585.768
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	7.706.378.652	-	2.568.792.884	(5.137.585.768)	5.137.585.768
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Việt Nam	6.000.000.000	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	6.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	6.500.000.000	-	3.250.000.000	(3.250.000.000)	6.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	8.500.000.000	-	5.000.000.000	(3.500.000.000)	10.000.000.000
	220.385.121.379	269.280.463.431	13.818.792.884	(411.216.533.483)	92.267.844.211

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

(a) Chi tiết vay ngắn hạn: Hợp đồng tín dụng số 020/2014-HĐTDHM/NHCT821-CASUCO ký ngày 6/9/2014

Hạn mức	:	250.000.000.000 VND
Mục đích vay	:	Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động SXKD niên vụ mía 2014 – 2015
Thời hạn vay	:	12 tháng kể từ ngày giải ngân
Lãi suất vay	:	5,5%/năm
Hình thức đảm bảo	:	Bảo đảm vay được nêu trong 7 hợp đồng thế chấp. TSTC gồm QSDĐ, Máy móc thiết bị và hàng tồn kho với tổng giá trị được định giá là 277.947.751.181 VND (giá trị còn lại theo sổ sách của TSCĐ tính đến 30/6/2015 dùng để thế chấp là 16.684.444.999)
Số dư tại ngày 30/06/2014	:	64.630.258.443 VND

-002
CY
QUY
AN
NAN
NH
O
P.CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.20.2 Vay dài hạn

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan				
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay dài hạn ngân hàng	105.456.942.764	105.456.942.764	120.344.528.532	120.344.528.532
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Hậu Giang	17.981.550.179	17.981.550.179	23.119.135.947	23.119.135.947
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	21.339.209.110	21.339.209.110	24.339.209.110	24.339.209.110
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	23.636.183.475	23.636.183.475	26.886.183.475	26.886.183.475
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	42.500.000.000	42.500.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả	27.637.585.768	27.637.585.768	28.706.378.652	28.706.378.652
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Hậu Giang	5.137.585.768	5.137.585.768	7.706.378.652	7.706.378.652
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	10.000.000.000	10.000.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000
	77.819.356.996	77.819.356.996	91.638.149.880	91.638.149.880

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 30/06/2015	-	-	-	-
Vay dài hạn ngân hàng	105.456.942.764	27.637.585.768	77.819.356.996	-
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - CN Hậu Giang	(a) 17.981.550.179	5.137.585.768	12.843.964.411	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Nam	(b) 21.339.209.110	6.000.000.000	15.339.209.110	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ	(c) 23.636.183.475	6.500.000.000	17.136.183.475	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang	(d) 42.500.000.000	10.000.000.000	32.500.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	-	-	-
	105.456.942.764	27.637.585.768	77.819.356.996	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-	-
Vay dài hạn ngân hàng	120.344.528.532	28.706.378.652	91.638.149.880	-
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam	23.119.135.947	7.706.378.652	15.412.757.295	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	24.339.209.110	6.000.000.000	18.339.209.110	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	26.886.183.475	6.500.000.000	20.386.183.475	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	46.000.000.000	8.500.000.000	37.500.000.000	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	-	-	-
	120.344.528.532	28.706.378.652	91.638.149.880	-

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 như sau:

- (a) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 08/2002/NHNo-TD ngày 27/6/2002 từ Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN Hậu Giang

Mục đích vay : Vay mua ngoại tệ trả nợ nước ngoài
 Thời hạn vay : 16 năm
 Lãi suất vay : 10,2%/năm
 Hình thức đảm bảo : Tín chấp

- (b) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 003/98/HĐ số ngày 27/6/2002 ngày 29/10/1998 từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tây Nam

Mục đích vay : Đầu tư dự án nhà máy đường Phụng Hiệp
 Thời hạn vay : 20 năm
 Lãi suất vay : 9,72%/năm
 Hình thức đảm bảo : Bảo đảm vay là tài sản hình thành từ vốn là :
 Tài sản cố định hữu hình với tổng nguyên giá là: 131.346.087.700 VND. Giá trị còn lại tính đến 30/6/2015 là 409.376.999 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

(c) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 04/2006/HĐTD ngày 25/4/2006 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Cần Thơ

Mục đích vay : Đầu tư dự án nhà máy đường Phụng Hiệp
 Thời hạn vay : 15 năm
 Lãi suất vay : 5,4%/năm
 Hình thức đảm bảo : Bảo đảm vay là tài sản cố định là dây chuyền thiết bị đồng bộ của Ấn Độ công suất 1250 Tấn mía/ngày, có nguyên giá 104.514.644.899 VND tính đến ngày 30/6/2015 thì giá trị còn lại của tài sản thế chấp là 801.824.163 VND

(d) Đây là khoản vay của Hợp đồng tín dụng số 016/2014-HĐTDDA/NHCT821-CASUCO ngày 25/7/2014 từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hậu Giang

Mục đích vay : Bù đắp các chi phí cho dự án "đổi mới chi phí tinh lọc đường RE"
 Thời hạn vay : 5 năm
 Lãi suất vay : 9,5%/năm
 Hình thức đảm bảo : Bảo đảm vay bằng chính dây chuyền đường RE, có giá trị còn lại tính đến 30/06/2015 là 71.738.218.108đ VND

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

5.21 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	01/01/2015	Tăng do trích lập trong kỳ	Số sử dụng trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND	VND	VND
Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	-	7.881.024.452	-	7.881.024.452
	-	7.881.024.452	-	7.881.024.452

5.22 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	30/06/2015
	VND	VND		VND	VND
Quỹ khen thưởng	6.834.777.057	3.295.251.595	-	(680.306.600)	9.449.722.052
Quỹ phúc lợi xã hội	814.930.745	1.351.423.538	2.158.327.633	(1.119.078.000)	3.205.603.916
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	580.129.433	-	-	580.129.433
	7.649.707.802	5.226.804.566	2.158.327.633	(1.799.384.600)	13.235.455.401

5.23 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	36.040.603.784	-	36.040.603.784
Trích lập quỹ	-	-	-
Hoàn nhập quỹ	(10.773.134.174)	-	(10.773.134.174)
Tại ngày 30/06/2015	25.267.469.610	-	25.267.469.610

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

5.24 Vốn chủ sở hữu (“VCSH”)

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Vào ngày 01/01/2014	130.805.470.000	91.716.406	45.532	(40.400.000)	100.942.567.165	33.330.816.855	75.366.610.712	340.496.826.670
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	8.052.029.974	8.052.029.974
Trích lập quỹ trong kỳ	-	-	-	-	2.846.799.114	157.754.829	(3.004.553.943)	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(20.681.704.500)	(20.681.704.500)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.037.535.657)	(7.037.535.657)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(10.109.400.000)	-	-	-	(10.109.400.000)
Giảm khác	-	(2.895)	(1)	-	-	-	(49.317.692)	(49.320.588)
Vào ngày 30/06/2014	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	103.789.366.279	33.488.571.684	52.645.528.894	310.670.895.899
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	20.922.252.636	
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-	541.980.000	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(2.222.860)	
Tại ngày 31/12/2014	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	103.789.366.279	33.488.571.684	74.107.538.670	332.132.905.675
Phân loại lại (*)	-	-	-	-	32.477.855.349	(33.488.571.684)	1.010.716.335	-
Tại ngày 01/01/2015	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	136.267.221.628	-	75.118.255.005	332.132.905.675
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	20.403.339.514	20.403.339.514
Trích lập quỹ trong kỳ này	-	-	-	-	1.600.032.986	-	(1.600.032.986)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.126.238.269)	(5.126.238.269)
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(31.787.967.500)	(31.787.967.500)
Vào ngày 30/06/2015	130.805.470.000	91.713.511	45.531	(10.149.800.000)	137.867.254.614	-	57.007.355.764	315.622.039.420

(*) Phân loại lại số dư đầu kỳ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho kỳ tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ Cameco ngày 10 tháng 06 năm 2015 quyết định hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn Nhà Nước	36.091.920.000	27,59	36.091.920.000	27,59
Ông Nguyễn Thành Long	11.119.750.000	8,50	11.119.750.000	8,50
Bà Nguyễn Ái Nhu Giang	8.744.600.000	6,69	8.744.600.000	6,69
Công ty Kim Hà Việt	8.080.920.000	6,18	8.080.920.000	6,18
Công ty Thành Thành Công	8.408.970.000	6,43	6.839.230.000	5,23
Vốn cổ phần đã được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ)	3.653.600.000	2,79	3.653.600.000	2,79
Vốn các cổ đông khác	54.705.710.000	41,82	56.275.450.000	43,02
	130.805.470.000	100,00	130.805.470.000	100,00

Cổ phiếu

	30/06/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.080.547	13.080.547
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.080.547	13.080.547
• Cổ phiếu phổ thông	13.044.167	13.044.167
• Cổ phiếu ưu đãi	36.380	36.380
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(365.360)	(365.360)
• Cổ phiếu phổ thông	(364.600)	(364.600)
• Cổ phiếu ưu đãi	(760)	(760)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.715.187	12.715.187
• Cổ phiếu phổ thông	12.679.567	12.679.567
• Cổ phiếu ưu đãi	35.620	35.620

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

5.25 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	6 tháng đầu Năm 2015 VND	6 tháng đầu Năm 2014 VND
Số dư đầu kỳ	11.946.193.302	11.653.677.268
Phát sinh tăng trong kỳ	286.606.733	362.072.603
Phát sinh giảm trong kỳ	(348.124.947)	(438.386.008)
Số dư cuối kỳ	11.884.675.088	11.577.363.863

5.26 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.26.1 Ngoại tệ các loại

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, ngoại tệ của Tập đoàn chỉ bao gồm Đôla Mỹ (USD) với tổng số tiền nguyên tệ là 5.490,36 USD.

5.26.2 Nợ khó đòi đã xử lý

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, tổng số công nợ phải thu khó đòi đã được xử lý là 2.270.453.160 VND. Nguyên nhân xóa nợ là do Tập đoàn nhận thấy những khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.369.509.636	1.994.999.364
Doanh thu thành phẩm	824.259.678.819	562.479.516.880
Doanh thu dịch vụ	1.659.296.933	2.574.111.306
Doanh thu bán phế phẩm, phế liệu	3.180.365.257	
	832.468.850.645	567.048.627.550

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chiết khấu thương mại	2.711.381.225	299.391.250
Hàng bán bị trả lại	-	390.885.715
	2.711.381.225	690.276.965

6.3 Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.480.732.852	1.472.545.964
Giá vốn thành phẩm	775.380.760.627	528.116.207.936
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.234.718.703	2.289.981.983
	779.096.212.182	531.878.735.883

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	150.304.452	436.795.518
Lãi trả chậm	49.999.999	-
Cổ tức và lợi nhuận được chia	151.470.000	2.070.090.000
Lãi tiền cho ứng vốn cổ phần	213.491.832	236.643.933
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ	-	28.674.076
Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	5.287.680.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	322.000.000	250.569.444
	887.266.283	8.310.452.971

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí lãi vay	7.582.178.186	11.741.136.370
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	5.306.554.960	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	17.634.590
	12.888.733.146	11.758.770.960

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

6.6 Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nhân viên	1.013.341.756	1.037.862.509
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	3.700.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.756.533.610	3.508.193.152
Chi phí bằng tiền khác	2.822.298.804	4.349.532.884
	6.592.174.170	8.899.288.545

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.244.094.151	6.921.484.947
Chi phí vật liệu quản lý	130.443.962	33.224.635
Chi phí đồ dùng văn phòng	73.401.663	185.963.529
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.387.742.345	2.517.920.274
Thuế, phí và lệ phí	313.997.850	17.837.596
Chi phí dự phòng	2.849.086.014	81.591.890
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	(10.773.134.174)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	139.915.871	139.915.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	404.997.200	751.569.464
Chi phí bằng tiền khác	4.353.495.403	4.538.651.486
	8.124.040.285	15.188.159.692

6.8 Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	513.636.364	-
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(401.745.315)	-
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	111.891.049	-
Thu thanh lý công cụ, dụng cụ	53.808.185	-
Thu bán phế liệu	-	2.442.083.772
Cho thuê mặt bằng, thuê đất	17.727.273	24.000.000
Bán thịt cá sấu	-	528.128.000
Thu nhập khác	394.530.169	767.865.035
	577.956.676	3.762.076.807

6.9 Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	555.000.000
Tiền phạt chậm nộp thuế	426.289.810	250.962
Chi phí khác	43.247	6.000.000
	426.333.057	561.250.962

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.403.339.514	8.052.029.974
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.403.339.514	8.052.029.974
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	12.679.567	12.791.348
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.609	629

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	576.636.435.159	459.017.480.723
Chi phí nhân công	47.423.460.805	44.476.817.378
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.524.362.456	27.610.103.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.881.830.613	12.959.676.304
Chi phí khác	14.226.514.351	14.899.319.581
	686.692.603.384	558.963.397.420

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, dài hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ

Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Tập đoàn có các khoản tài sản tài chính chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

Tiền	USD 5.490,36
------	-----------------

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản cho vay, các khoản phải thu đã được trình bày.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	92.267.844.211	77.819.356.996	170.087.201.207
Phải trả người bán	11.109.783.534	-	11.109.783.534
Chi phí phải trả	2.086.423.512	-	2.086.423.512
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.926.095.598	-	10.926.095.598
	116.390.146.855	77.819.356.996	194.209.503.851
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Các khoản vay và nợ	220.385.121.379	91.638.149.880	312.023.271.259
Phải trả người bán	14.618.809.317	-	14.618.809.317
Chi phí phải trả	2.237.263.898	-	2.237.263.898
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.450.060.683	-	34.450.060.683
	271.691.255.277	91.638.149.880	363.329.405.157

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay (*Thuyết minh số 5.7, 5.9 và 5.10*).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 30/06/2015 và 31/12/2014.

iv. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	13.328.378.617	16.370.849.312	13.328.378.617	16.370.849.312
Phải thu các bên liên quan	4.842.382.920	4.230.791.968	-	-
Các khoản phải thu khác	30.883.826.752	31.592.247.427	30.883.826.752	31.592.247.427
Phải thu dài hạn khác	9.660.420.000	14.608.440.000	9.660.420.000	14.608.440.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn	5.814.337.626	11.120.892.586	5.814.337.626	11.120.892.586
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.467.650.627	25.782.042.026	11.467.650.627	25.782.042.026
	75.996.996.542	103.705.263.319	75.996.996.542	103.705.263.319

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Vay và nợ	170.087.201.207	312.023.271.259	170.087.201.207	312.023.271.259
-----------	-----------------	-----------------	-----------------	-----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 06 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	VND	VND	VND	VND
Phải trả các bên liên quan	11.109.783.534	14.618.809.317	11.109.783.534	14.618.809.317
Phải trả người bán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	2.086.423.512	2.237.263.898	2.086.423.512	2.237.263.898
Phải trả khác	10.926.095.598	34.450.060.683	10.926.095.598	34.450.060.683
	194.209.503.851	363.329.405.157	194.209.503.851	363.329.405.157

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Các thành viên Hội đồng quản trị – Nhận cổ tức	6.562.887.500	6.562.887.500
Các thành viên Ban kiểm soát – Nhận cổ tức	307.820.000	269.932.500
Các thành viên Ban điều hành – Nhận cổ tức	205.130.000	180.130.000

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt tại Tập đoàn mẹ như sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Bà Trần Thị Thái – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	174.005.000	-

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản

dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Tiền lương	1.204.254.598	1.074.624.143
Thù lao	255.500.000	255.000.000
	1.459.754.598	1.329.624.143

8.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày sau đây:

	6 tháng đầu năm 2015 VND	6 tháng đầu năm 2014 VND
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng		
- Bán thành phẩm	-	230.486.112
- Mua thành phẩm	-	2.500.000.000
	-	2.730.486.112

Công nợ với các bên liên quan

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CP Mía Đường Sóc Trăng	-	2.500.000.000

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành 3 bộ phận hoạt động gồm:

- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đường và các sản phẩm của ngành mía đường
- Lĩnh vực dịch vụ du lịch
- Lĩnh vực khác bao gồm: cơ khí, bao bì, tư vấn, thiết kế, sản xuất và kinh doanh khí gas các loại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn trong 6 tháng đầu năm 2015 như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

6 tháng đầu năm 2015	Mía đường VND	Du lịch VND	khác VND	Các khoản điều chỉnh VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	799.570.500.466	2.508.320.603	29.205.715.539	(949.110.512)	830.335.426.096
Chi phí bộ phận	(764.048.794.415)	2.478.529.323)	28.520.630.597)	809.194.641	794.238.759.694)
Kết quả kinh doanh bộ phần	35.521.706.051	29.791.280	685.084.942	(139.915.871)	36.096.666.402
Chi phí không phân bổ					-
Thu nhập hoạt động tài chính	1.489.281.995	8.511.427	358.472.861	(969.000.000)	887.266.283
Chi phí hoạt động tài chính	(12.850.430.439)	-	-	-	(12.850.430.439)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				968.774.563	968.774.563
Lợi nhuận trước thuế	24.160.557.607	38.302.707	1.043.557.803	(140.141.308)	25.102.276.809
Chi phí thuế thu nhập TNDN hiện hành	6.608.665.163	-	195.963.710	-	6.804.628.873
Chi phí thuế thu nhập TNDN hoãn lại	(2.384.913.924)	-	(7.384.387)	-	(2.392.298.311)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.936.806.368	38.302.707	854.978.480	(140.141.308)	20.689.946.247
Vào ngày 30/06/2015					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận	549.162.367.639	1.301.653.466	49.595.104.491	(1.114.371.707)	598.944.753.889
Các khoản đầu tư	46.915.924.809	-	-	(6.597.702.621)	40.318.222.188
Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản	596.078.292.448	1.301.653.466	49.595.104.491	7.712.074.328	639.262.976.077
Nợ phải trả phân bổ	296.108.454.054	852.566.283	20.152.878.832	(5.357.637.600)	311.756.261.569
Tổng nợ phải trả	296.108.454.054	852.566.283	20.152.878.832	(5.357.637.600)	311.756.261.569

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn trong 6 tháng đầu năm 2014 như sau:

6 tháng đầu năm 2014	Mía đường VND	Du lịch VND	khác VND	Các khoản điều chỉnh VND	Cộng VND
Doanh thu thuần	535.164.641.376	4.470.944.422	32.648.115.169	(2.163.273.575)	570.120.427.392
Chi phí bộ phận	(521.722.567.113)	(4.989.153.265)	(31.839.072.408)	2.023.357.704	556.527.435.082)
Kết quả kinh doanh bộ phần	13.442.074.263	(518.208.843)	809.042.761	(139.915.871)	13.592.992.310
Chi phí không phân bổ					
Thu nhập hoạt động tài chính	10.325.637.442	3.072.161	307.343.368	(2.325.600.000)	8.310.452.971
Chi phí hoạt động tài chính	(12.323.225.334)	-	-	564.454.374	(11.758.770.960)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					
Lợi nhuận trước thuế	11.444.486.371	(515.136.682)	1.116.386.129	(1.901.061.497)	10.144.674.321
Chi phí thuế thu nhập TNDN hiện hành	(1.604.940.798)	-	(84.468.486)	-	(1.689.409.284)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

6 tháng đầu năm 2014	Mía đường	Du lịch	khác	Các khoản điều chỉnh	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập TNDN hoãn lại	(89.346.046)	-	48.183.586		(41.162.460)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.750.199.527	(515.136.682)	1.080.101.229	(1.901.061.497)	8.414.102.577
Vào ngày 31/12/2014					
Tài sản và nợ phải trả					
Tài sản của bộ phận	696.929.395.403	1.783.647.811	42.248.712.318	(1.224.737.376)	739.737.018.156
Các khoản đầu tư	49.399.087.234	-	-	(18.947.304.288)	30.451.782.946
Tài sản không phân bổ					
Tổng tài sản	746.328.482.637	1.783.647.811	42.248.712.318	(20.172.041.664)	770.188.801.102
Nợ phải trả phân bổ	444.694.505.868	871.843.523	10.446.008.430	(2.427.285.100)	453.585.072.721
Tổng nợ phải trả	444.694.505.868	871.843.523	10.446.008.430	(2.427.285.100)	453.585.072.721

8.3 Số liệu so sánh

8.3.1 Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh cũng như điều chỉnh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

8.3.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi chính sách kế toán.

Việc áp dụng chế độ kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư đầu kỳ Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ Cameco ngày 10 tháng 06 năm 2015 quyết định hoàn nhập số dư quỹ dự phòng tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2014 vào lợi nhuận chưa phân phối của Công ty.

3995-00
CÔNG TY
KIỂM HỮU
HÀNG
KIỂM TOÁN
VIỆT NAM
NHÁNH
CẦN THƠ
S-TP.C

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CẦN THƠ
 Số 1284 Trần Hưng Đạo, Khu vực I, Phường VII, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015

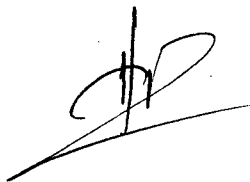
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Mã số	Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	Số liệu trình bày lại VND
Phải thu ngắn hạn khác	136	23.189.760.676	12.633.278.719	35.823.039.395
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	271.549.684	271.549.684
Tài sản ngắn hạn khác	155	12.904.828.403	(12.904.828.403)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	103.789.366.279	32.477.855.349	136.267.221.628
Quỹ dự phòng tài chính		33.488.571.684	(33.488.571.684)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	74.107.538.670	1.010.716.335	75.118.255.005

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(6.925.024.360)	(6.925.024.360)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	46.505.034.584	2.530.861.004	49.035.895.588
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(54.223.413.015)	6.518.324.360	(47.705.088.655)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.730.861.004	(2.730.861.004)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.165.065.526)	606.700.000	(8.558.365.526)

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

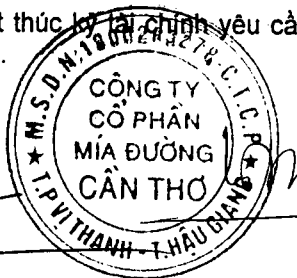
Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



PHAN THỊ HỒNG YẾN
 Người lập biểu



TRẦN MỘNG NGỌC
 Kế toán trưởng



NGUYỄN THÀNH LONG
 Tổng Giám đốc
 Hậu Giang, ngày 27 tháng 08 năm 2015